Bài tập chương 2

Bài tập 1: Điền các số liệu còn thiếu vào chứng từ kế toán sau:

a. Thông tin:

Người giao dịch bên Bán:	**Người giao dịch bên Mua**:
+ Anh Hoàng Long - Cán bộ phòng Kinh doanh	+ Chị Dương Kim Chi - Cán bộ phòng Quản trị
+ Công ty: Cty TNHH Vân Phong	+ Công ty: Cty TNHH Hoàng Hải
+ Địa chỉ: xxx, Phố Nguyễn Chí Thanh, Tp Hà nội	+ Địa chỉ: xxx, Phố Huỳnh Thúc Kháng, Tp Hà nội
+ Tài khoản số: 0011 0020 40540 / Ngân hàng Ngoại Thương	+ Tài khoản số: 0021 0009 48757 / Ngân hàng Ngoại Thương
+ Điện thoại: 04.3xxxxxxxx	+ Điện thoại: 04.3 xxxxxxxx
+ Mã số thuế: 01 00105555 1	+ Mã số thuế: 01 00105599 1Bài

Nội dung giao dịch:

+ Tên hàng: Theo Hợp đồng mua bán số: 4545HĐ, ngày 04/05/xxxx

1. Bàn ghế / Số lượng: 5 bộ / Đơn giá: 4.800.000đồng /bộ / Thuế GTGT: 10%
2. Máy vi tính chuyên dụng / Số lượng: 1 bộ / Đơn giá: 24.000.000 đồng /bộ / Thuế GTGT:5%

+ Thanh toán: chuyển khoản (số tiền: 24+2,4 +24+1,2 = 51,6tr)

+ Ngày giao hàng: 30/9/xxxx

****

HOÁ ĐƠN **Mẫu số: 01/CTKT - 3LL**

GIÁ TRỊ GIA TĂNG **KP/2010B**

Liên 2: Giao khách hàng

Ngày .... tháng .... năm **0123456**

Đơn vị bán hàng: .....

Địa chỉ: .....

Tài khoản số: .....

Điện thoại: ..... MST .....

Họ tên người mua hàng:.....

Đơn vị: .....

Địa chỉ: . .....

Số tài khoản: .....

Hình thức thanh toán: ..... . MST: .....

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đv tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
				Cộng tiền hàng:	
Thuế suất GTGT:				Tiền thuế GTGT:	
				Tổng cộng thanh toán:	
Số tiền viết bằng chữ:.....					

Người mua hàng	**Người bán hàng**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)

b. Thông tin:

Người giao dịch bên Bán:

+ Anh Trần Quang Anh - Cán bộ phòng Kinh doanh

+ Cơ sở sản xuất Thương binh 27/7

+ Địa chỉ: xxx, Xã Quất Sơn,…

+ Mã số thuế: 01 001xxxx

Người giao dịch bên Mua:

+ Chị Vũ Hải Yến / Người mua tự do

+ Địa chỉ: xxx, Phố Huỳnh Thúc Kháng, Tp Hà nội

Nội dung giao dịch:

+ Tên hàng:

Thiết bị năng lượng gió / Số lượng: 1 bộ / Đơn giá: 8.000.000đồng /bộ

+ Thanh toán: Tiền mặt

+ Ngày giao hàng: 25/8/xxxx

HOÁ ĐƠN BÁN HÀNG **Mẫu số: 02/CTKT - 3LL**

Liên 2: Giao khách hàng **KP/2006A**

Ngày .... tháng .... năm **0078156**

Đơn vị bán hàng: .....

Địa chỉ: .....

Tài khoản số: .....

Điện thoại: ..... MST .....

Họ tên người mua hàng:.....

Đơn vị: .....

Địa chỉ: . .....

Số tài khoản: .....

Hình thức thanh toán: ..... . MST: .....

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đv tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
Tổng cộng thanh toán					

Số tiền viết bằng chữ:.....

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)

Bài tập 2:

a. Trên cơ sở bài tập 1a, bạn là nhân viên kế toán công ty Hoàng Hải, hãy điền các số liệu vào Ủy nhiệm chi sau: (Đây là mẫu Ủy nhiệm chi ví dụ của Ngân hàng Ngoại Thương Việt nam)

VIETCOMBANK

ỦY NHIỆM CHI - PAYMENT ORDER

Ngày (date): ……

Đề nghị ghi Nợ Tài khoản (Please debit account):

Số tiền (With amount):

Phí ngân hàng (bank's charges)

Phí trong (Including) ☐

Phí ngoài (Excluding) ☐

Số TK: (A/C No): ……	Bằng số: (In Figures:) …….....
Tên TK: (A/C Name): …… Địa chỉ: Address: …….	Bằng số: (In words: …….. ……
Tại ngân hàng: With bank: ……...	

Nội dung (Details of payment):

……..

……..

& Ghi Có tài khoản (and credit account):

Số TK: (A/C No): ……
Tên TK: (A/C Name): …… Địa chỉ: Address: …….
Tại ngân hàng: With bank: ……...

Kế toán trưởng ký
Chief Accountant

Chủ tài khoản ký & đóng dấu
ACC. Holder & Stamp

Phần dành cho Ngân hàng (for Bank's use only) Mã VAT ……

Thanh toán viên Kiểm soát Giám đốc

b. Trên cơ sở bài tập 1b, bạn là nhân viên kế toán Cơ sở sản xuất Thương binh 27/7, hãy điền các số liệu vào Phiếu thu tiền và Biên lai thu tiền sau:

Đơn vị: ..... **Mẫu số 01 – TT**
Địa chỉ: ..... **(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC)**
ngày 20/3/2006của Bộ trưởng BTC)

Quyển số: .....

PHIẾU THU Số: .....
Ngày .... tháng ..... năm .... Nợ: .....
Có: .....

Họ và tên người nộp tiền: .....
Địa chỉ: .....
Lý do nộp: .....
Số tiền: ..... (viết bằng chữ): .....
.....
Kèm theo ..... chứng từ gốc:

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người nộp tiền**	**Người lập phiếu**	**Thủ quỹ**
(Ký tên, đóng dấu)	***(Ký, họ tên)***	***(Ký, họ tên)***	***(Ký, họ tên)***	***(Ký, họ tên)***

Đã nhận đủ số tiền viết bằng chữ:
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):
+ Số tiền quy đổi
(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

****

Đơn vị: ..... **Mẫu số 06 – TT**
Bộ phận: ..... **(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC)**
ngày 20/3/2006của Bộ trưởng BTC)

BIÊN LAI THU TIỀN Quyển số: .....
Ngày....tháng .... năm ..... Số: .....

- Họ và tên người nộp: . .....
- Địa chỉ: .....

- Nội dung thu: .....

- Số tiền thu : ..... (Viết bằng chữ) .....

.....

Người nộp tiền
(Ký, họ tên)

Người thu tiền
(Ký, họ tên)

c. Giả sử bạn là kế toán ở DN Văn Hoa, bạn hãy lập Phiếu tạm ứng cho một Cán bộ xuất nhập khẩu số tiền 10tr để đi công tác Hải Phòng 7 ngày.

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG

Ngày.....tháng.....năm .....

Kính gửi : ……..

Tên tôi là : ……..

Địa chỉ : ……..

Đề nghị cho tạm ứng số tiền : …….

Viết bằng chữ : ……

Lý do : …….

Thời hạn thanh toán: ……

Giám đốc Kế toán trưởng Phụ trách đơn vị Người đề nghị

d. Giả sử bạn làm thủ kho của công ty TNHH Vân Phong, bạn xuất kho giao hàng cho cán bộ kinh doanh cho Hoàng Hưng Thịnh nội dung như sau:

Tên hàng: Theo Hợp đồng mua bán số: 4545HĐ, ngày 04/05/xxxx

Tên hàng	Số lượng	Giá vốn (tr/đvị)	Giá bán (tr/đvị)	Thuế GTGT
Bàn ghế	5 bộ	4.000.000	4.800.000	10%
Máy vi tính chuyên dụng	1 bộ	18.000.000	24.000.000	5%

Điền vào Phiếu xuất kho sau:

Đơn vị: .....
Bộ phận: .....

Mẫu số 02 – VT
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC)

ngày 20/3/2006 của Bộ trởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO Nợ: .....

Ngày....tháng .... năm ..... Có: .....

- Họ và tên người nhận hàng: .....
- Lý do xuất kho: .....
- Xuất tại kho (ngăn lô): ..... địa điểm .....

STT	Tên, nhãn hiệu, qui cách, phẩm chất vật tư , DC, SP, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	**4**
	Cộng	X	X	X	X	X	

Tổng số tiền (viết bằng chữ): .....

Số chứng từ gốc kèm theo: .....

Ngày .... tháng .... năm.....

Người lập phiếu	**Người nhận hàng**	**Thủ kho**	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký tên)	(Ký tên)	(Ký tên)	(Hoặc bộ phận có nhu cầu nhận) (Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Bài tập chương 3

Bài tập 1: Định khoản các nghiệp vụ kế toán sau:

STT	Nội dung nghiệp vụ
1	Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quĩ tiền mặt 150tr
2	Mua một lô hàng trị giá 200tr, tiền chưa thanh toán cho người bán, hàng chưa về nhập kho.
3	Vay dài hạn ngân hàng để mua một tài sản cố định hữu hình có giá trị: 40tr, tài sản đã đưa vào sử dụng
4	Chi tiền gửi ngân hàng để trả lương cho nhân viên: 20tr, nộp thuế cho nhà nước: 30tr
5	Vay ngắn hạn ngân hàng để trả cho người bán 100tr
6	Lô hàng mua ở nghiệp vụ 2 đã về nhập kho đủ.
7	Rút tiền gửi ngân hàng để đầu tư một số chứng khoán ngắn hạn có giá trị : 200tr
8	Chi tiền mặt tạm ứng cho cán bộ số tiền 10tr
9	Mua nguyên vật liệu, trị giá 40tr, đã nhập kho đủ. Tiền hàng thanh toán bằng tiên tạm ứng 10tr, còn lại là nợ người bán

Bài tập 2: Có số liệu đầu kỳ sau:
DN X, 31/03/2008 có số liệu sau:

TÀI SẢN	NGUỒN VỐN
I.Tài sản ngắn hạn	**III. Nợ phải trả**
1.Tiền mặt: 200 2.Phải thu của khách hàng: 100 3.Hàng hoá: 1000	5. Phải trả người bán: 100
II. Tài sản dài hạn	**IV. Vốn chủ sở hữu**
4. Tài sản cố định HH 1200	6. Nguồn vốn chủ sở hữu: 2400

Trong kỳ phát sinh các nghiệp vụ sau:
1. Trả nợ cho người bán bằng tiền mặt là: 100tr
2. Nhận góp vốn bằng TSCĐ được xác định là 60tr. TSCĐ đã đưa vào sử dụng.
3. Mua một lô hàng trị giá 60tr - chưa trả tiền cho người bán. Chi phí vận chuyển là 2tr - trả bằng tiền mặt.Hàng hoá đã nhập kho.
4. Khách hàng trả nợ bằng tiền mặt là 60tr.
5. Người mua ứng trước tiền hàng là 12tr

<u>Yêu cầu:</u>

Kiểm tra việc định khoản dưới đây và ghi chép vào TK chữ T & phản ánh số liệu vào bảng cân đối số phát sinh; Bảng cân đối kế toán cuối kỳ:

Hướng dẫn giải

* Các định khoản:

Các tài khoản chữ T

Nợ TK Tiền mặt Có	
SDĐK:	
(4)	(1)
(5)	(3)
ΣPS↑	ΣPS↓

Nợ TK Phải thu khách hàng Có	
SDĐK:	
	(4)
ΣPS↑	ΣPS↓

Nợ TK Hàng hoá Có	
SDĐK:	
(3)	
ΣPS↑	ΣPS↓

SDCK:	

SDCK:	

SDCK:	

Nợ TK TSCĐ Có	
SDĐK:	
(2)	
ΣPS↑	ΣPS↓
SDCK:	

Nợ TK Phải trả người bán Có	
	SDĐK:
(1)	(3)
ΣPS↓	ΣPS↑
	SDCK:

Nợ TK Người mua ứng trước Có	
	SDĐK:
	(5)
ΣPS↓	ΣPS↑
	SDCK:

Nợ TK Vốn chủ sở hữu Có	
	SDĐK:
	(2)
ΣPS↓	ΣPS↑
	SDCK:

Bảng cân đối số phát sinh:

STT	Tên tài khoản	SDĐK		Số phát sinh		SDCK	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Tiền mặt						
2	Phải thu khách hàng						
3	Hàng hoá						
4	Tài sản cố định						
5	Phải trả người bán						
6	Người mua ứng trước						
7	Vốn chủ sở hữu						
	Tổng						

Bảng cân đối kế toán:

TÀI SẢN	NGUỒN VỐN
I.Tài sản ngắn hạn	**III. Nợ phải trả**
…… …. …… …. …… ….	…… …. …… …. …… ….
II. Tài sản dài hạn	**IV. Vốn chủ sở hữu**
…… ….	…… ….

Bài tập 3: Công ty TNHH Anh Đào có số liệu đầu kỳ: (ngày 30/06/N) - Đơn vị tính: triệu đồng

Tài sản: 3000	Nguồn vốn: 3000
Tài sản ngắn hạn: 500	**Nợ phải trả: 400**
Tiền gửi ngân hàng: 200 Phải thu khách hàng: 40 Hàng hoá: 260	Phải nộp thuế cho nhà nước: 50 Phải trả người lao động: 50 Vay dài hạn: 300

Tài sản dài hạn: 2500	**Vốn chủ sở hữu: 2600**
Tài sản cố định: 2400 Hao mòn TSCĐ: (200) Đầu tư dài hạn khác: 300	Nguồn vốn chủ sở hữu: 2500 Lợi nhuận chưa phân phối: 100

Trong kỳ phát sinh các nghiệp vụ kinh tế sau:
1. Xuất kho 1 lô hàng trị giá 100tr đem gửi bán ở nhà phân phối H với giá bán là 130tr.
2. Nhà phân phối H chấp nhận mua hàng và chuyển trả tiền vào tài khoản ngân hàng
3. Giao hàng cho người mua X (giá vốn xuất kho là 60tr) theo hợp đồng bán hàng với giá bán là 80tr. Người mua X chưa trả tiền.
4. Người mua X thanh toán tiền hàng vào tài khoản ngân hàng.
5. Chi phí vận chuyển cho lô hàng ở nghiệp vụ 3 đã thanh toán bằng TGNH là 4tr
6. Chi phí khấu hao tài sản cố định trong kỳ đã trích là 6 tr
7. Trả vay dài hạn 40tr và nộp thuế cho nhà nước số tiền 20tr bằng TGNH

Yêu cầu: Kiểm tra các định khoản dưới đây,
Ghi chép vào tài khoản T,
Lập bảng cân đối số phát sinh,

Ghi chép vào TK chữ T:
TÀI KHOẢN DÙNG ĐỂ LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

N TK Tiền gửi ngân hàng C	
SDĐK:	
ΣPS↑	ΣPS↓
SDCK:	

TK Phải thu khách hàng	
SDĐK:	
ΣPS↑	ΣPS↓
SDCK:	

TK Hàng hoá	
SDĐK:	
ΣPS↑	ΣPS↓
SDCK:	

TK Hàng gửi bán	
SDĐK:	
ΣPS↑	ΣPS↓
SDCK:	

TK Hao mòn TSCĐ	
	SDĐK:
ΣPS↓	ΣPS↑
	SDCK:

TK Lợi nhuận chưa phân phối	
	SDĐK:
ΣPS↓	ΣPS↑
	SDCK:

TK Tiền mặt

TK Vay dài hạn

TK Thuế phải nộp cho NN

SDĐK:			SDĐK:		SDĐK:
ΣPS↑	ΣPS↓	ΣPS↓	ΣPS↑	ΣPS↓	ΣPS↑
SDCK:			SDCK:		SDCK:

TÀI KHOẢN DÙNG ĐỂ LẬP BÁO CÁO XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

TK CP Giá vốn hàng bán	TK Xác định KQKD	TK Doanh thu bán hàng
TK CP khấu hao TSCĐ		
TK CP bán hàng		

Kết chuyển Chi phí :
Nợ TK Xác định kết quả kinh doanh :
Có TK Chi phí giá vốn hàng bán
Có TK CP Khấu hao TSCĐ
Có TK CP bán hàng

Kết chuyển Doanh thu thuần
Nợ TK Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ
Có TK Xác định kết quả kinh doanh

Kết chuyển lãi
Nợ TK Xác định kết quả kinh doanh
Có TK Lợi nhuận chưa phân phối

BẢNG CÂN ĐỐI SỐ PHÁT SINH

STT	Tên tài khoản	SDĐK		Số phát sinh		SDCK	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Tiền gửi ngân hàng						

2	Phải thu khách hàng						
3	Hàng hoá						
4	Hàng gửi bán						
5	Tài sản cố định						
6	Hao mòn TSCĐ						
7	Đầu tư dài hạn khác						
8	Vay dài hạn						
9	Phải trả người LĐ						
10	Phải nộp thuế cho NN						
11	Nguồn vốn chủ sở hữu						
12	Lợi nhuận chưa phân phối						
13	Doanh thu bán hàng						
14	Chi phí giá vốn						
15	Chi phí Khấu hao TSCĐ						
16	Chi phí bán hàng						
	Tổng						

Bảng cân đối kế toán:

TÀI SẢN	NGUỒN VỐN
I.Tài sản ngắn hạn	**III. Nợ phải trả**
…….	…….
…….	…….
……	……

.	….
II. Tài sản dài hạn	**IV. Vốn chủ sở hữu**
…… . …… ..	…… …. …… ….

Bài tập 4: Cho các nghiệp vụ kinh tế sau: đvt: 1.000đ - Biết rằng đơn vị kế toán thuế theo phương pháp khấu trừ và hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:
1. Nhận vốn góp bổ sung của các thành viên bằng tiền mặt: 200.000
2. Nhận vốn góp liên doanh của công ty X bằng một TSCĐ, giá trị được 2 bên xác nhận là: 300.000
3. Mua vật liệu chính nhập kho, giá hóa đơn bao gồm cả thuế GTGT 10%: 132.000, đã thanh toán bằng tiền mặt
4. Xuất tiền mặt ở quỹ gửi vào tài khoản tại ngân hàng: 150.000
5. Người mua đặt trước tiền hàng bằng chuyển khoản: 10.000
6. Trả lương còn nợ công nhân viên kỳ trước bằng tiền mặt: 45.000
7. Xuất kho hàng hóa gửi cho đơn vị đại lý, giá xuất kho: 20.000
8. Tạm ứng cho công nhân viên bằng tiền mặt: 2.000
9. Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng tiền gửi ngân hàng: 25.000
10. Đặt trước cho người bán nhiên liệu bằng tiền mặt: 50.000
Yêu cầu: ghi chép nghiệp vụ phát sinh

Sổ nhật ký chung

Từ ngày: …….. đến ngày: ……..

Số TT	Ngày	Nội dung	TK đối ứng	Nợ	Có	Chú thích
1		Nhận vốn góp bổ sung của các thành viên bằng tiền mặt	TK TK			
2		Nhận vốn góp liên doanh của công ty X bằng một TSCĐ	TK TK			
3		Mua vật liệu chính nhập kho, giá hóa đơn bao gồm cả thuế GTGT	TK TK TK			
4		Xuất tiền mặt ở quỹ gửi vào tài khoản tại ngân hàng	TK TK			
5		Người mua đặt trước tiền hàng bằng chuyển khoản	TK TK			
6		Trả lương còn nợ công nhân viên kỳ trước bằng tiền mặt	TK TK			
7		Xuất kho hàng hóa gửi cho đơn vị đại lý	TK TK			
8		Tạm ứng cho công nhân viên bằng tiền mặt	TK TK			
9		Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng tiền gửi ngân hàng.	TK TK			
10		Đặt trước cho người bán nhiên liệu bằng tiền mặt	TK TK			

Bài tập 5: Có tài liệu một đơn vị như sau:

I. Số dư đầu tháng 6 năm N của các tài khoản (đvt: 1.000đ)

Tài sản		Nguồn vốn	
TK111 tiền mặt	300.000	TK311 vay ngắn hạn	250.000
TK112 tiền gửi ngân hàng:	500.000	TK331 phải trả người bán	200.000
TK152 nguyên vật liệu:	200.000	TK333 thuế phải nộp:	100.000
TK155 thành phẩm:	600.000	TK334 phải trả công nhân viên:	60.000
TK131 phải thu của khách hàng	250.000	TK411 nguồn vốn kinh doanh:	2.250.000
TK211 TSCĐ hữu hình	1.300.000	TK421 lợi nhuận chưa phân phối:	190.000
TK214 Hao mòn TSCĐ	(100.000)		
	3.050.000		3.050.000

Biết rằng đơn vị kế toán thuế theo phương pháp khấu trừ và hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:

II. Trong tháng 6/N có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau:

1. Khách hàng thanh toán tiền hàng còn nợ kỳ trước bằng chuyển khoản: 185.000
2. Mua nguyên vật liệu nhập kho chưa thanh toán cho người bán theo hóa đơn bao gồm cả thuế GTGT 10% là 231.000
3. Xuất kho thành phẩm gửi bán với giá trị: 270.000
4. Mua một phương tiện vận tải đã thanh toán bằng tiền mặt vay dài hạn theo hóa đơn có cả thuế GTGT 10% là: 385.000
5. Trả vay ngắn hạn bằng chuyển khoản: 135.000
6. Trích lợi nhuận lập quỹ đầu tư phát triển: 45.000
7. Trả nợ cho người bán bằng chuyển khoản: 165.000
8. Thanh toán cho công nhân viên bằng tiền mặt: 48.000
9. Nhận vốn góp bằng tiền mặt: 650.000
10. Chi tiền mặt tạm ứng cho công nhân viên đi công tác: 25.000
11. Nộp thuế cho nhà nước bằng chuyển khoản: 70.000

Yêu cầu:

Định khoản và phản ánh vào tài khoản kế toán chữ T các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Lập bảng cân đối số phát sinh của công ty cuối tháng 6

Bài tập 6:

Đầu kỳ: DN Lâm Nhi, 31/03/2008 có số liệu sau: (đơn vị tính : triệu đồng)

TÀI SẢN	NGUỒN VỐN
I.Tài sản ngắn hạn	**III. Nợ phải trả**
1.Tiền mặt: 160 2. Tiền gửi ngân hàng: 450 3. Thuế GTGT đầu vào: 40 4. Hàng hoá: 1000 5. Hàng mua đang đi đường: 100	8. Phải trả người bán: 50
II. Tài sản dài hạn	**IV. Vốn chủ sở hữu**
6. Tài sản cố định HH 1300 7. Hao mòn TSCĐ (200)	8. Nguồn vốn chủ sở hữu: 2740 9. Lợi nhuận CPP: 60

Trong kỳ phát sinh các nghiệp vụ sau:

1. Xuất kho một lô hàng giao cho người mua Z với giá bán là: 600tr + Thuế GTGT 10%. Tiền hàng chưa thanh toán.Giá vốn hàng bán là: 540tr.
2. Chi phí vận chuyển hàng bán đã trả bằng tiền mặt là: 13,2tr (đã bao gồm thuế GTGt 10%).
3. Lô hàng mua đang đi đường về nhập kho đủ.
4. Mua một lô hàng với giá mua là 100tr + Thuế GTGT 10%, thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Chi phí vận chuyển lô hàng mua là 2tr trả bằng tiền mặt. Hàng hoá đã nhập kho đủ.
5. Trích chi phí khấu hao TSCĐ sử dụng trong bộ phận bán hàng là 10tr.
6. Chi phí lương cho bộ phận bán hàng là 30tr và bộ phận QL là 10tr trả bằng TGNH.

7. Xác định số thuế phải nộp cho nhà nước.

Yêu cầu:

+ Định khoản
+ Ghi chép vào TK chữ T
+ Xác định kết quả kinh doanh.
+ Lập báo cáo kết quả kinh doanh.
+ Lập bảng cân đối số phát sinh
+ Lập bảng cân đối kế toán cuối kỳ

Biết rằng DN Y kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên & kế toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Bài tập 7:

DN Thanh Bình số liệu đầu kỳ như sau: Ngày 01/04/N (Đvị tính: triệu đồng)

TK111: 145 TK131: 55 TK133: 20

TK156: 358 (gồm 3000 SP X - đơn giá vốn: 100.000đ/SP& 1000 SP Y- đơn giá vốn: 58.000đ/SP)

TK 211: 1482 TK214: (400)

TK331: 100 TK334: 30 TK411: 1500 TK421: 30

Trong kỳ phát sinh các nghiệp vụ sau:

NV1: Bán 1500 sản phẩm X cho người mua H với giá bán là 120.000đ/SP + Thuế GTGT 10%.Người mua chưa trả tiền.

NV2: Chi phí xếp dỡ, vận chuyển lô hàng ở NV 1 đã trả bằng Tiền mặt là 4tr + Thuế GTGT5%.

NV3: Bán 400SP Y cho người mua A với giá bán là 75.000 đ/SP + Thuế GTGT10%. Khách hàng đã trả bằng tiền mặt.

NV4: Chi phí tiền lương của bộ phận bán hàng là 8tr, bộ phận quản lý là 5tr trả bằng tiền mặt

NV5: Trích chi phí khấu hao trong kỳ ở bộ phận bán hàng là 6tr ở bộ phận quản lý là 5tr

NV6: Xác định số Thuế GTGT phải nộp cuối kỳ

Yêu cầu:

- Định khoản
- Ghi chép vào tài khoản
- Lập bảng cân đối số phát sinh
- Lập Bảng cân đối kế toán

Biết rằng DN Thanh Bình kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên & kế toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Bài tập 9:

Định khoản các nghiệp vụ kế toán sau:

* Hướng dẫn:

Nghiệp vụ: Dùng tiền mặt trả nợ cho nhà cung cấp số tiền 4tr.

Phải trả lời các câu hỏi sau:

+ Xác định đối tượng kế toán là gì? Tiền mặt và Phải trả người bán
+ Xác định đối tượng kế toán tăng hay giảm? Tiền mặt chi ra (giảm) & Nợ phải trả người bán giảm.
+ Quan hệ đối ứng gì? Tài sản giảm (Ghi Có) - Nợ phải trả giảm (Ghi Nợ)

Định khoản:

Nợ TK Phải trả người bán: 4tr

Có TK Tiền mặt: 4tr

* Các nghiệp vụ:

1. Mua nguyên liệu trả bằng tiền mặt (Mua 10m^3 gỗ trị giá 78 triệu đồng)
2. Mang 100tr tiền mặt nộp vào tài khoản tiền gửi ngân hàng.
3. Khách hàng trả nợ 100 tr tiền mua hàng còn nợ vào tài khoản

4. Mang 1 chiếc ô tô đem đi góp vốn liên doanh được định giá là 180tr
5. Vay ngắn hạn ngân hàng (80 tr) để mua hàng hoá.
6. Dùng tiền gửi ngân hàng thanh toán 50 tr cho Ông A (số tiền còn nợ người bán A).
7. Lô hàng đang đi đường trị giá 200tr về nhập kho đủ.
8. Mua một lô hàng trị giá 300tr, tiền chưa thanh toán, hàng về nhập kho đủ.
9. Dùng tiền gửi ngân hàng để trả khoản nợ lương trị giá 40tr và nộp thuế cho nhà nước 60tr
10. Dùng tiền mặt để đầu tư chứng khoán ngắn hạn có giá trị ghi sổ 50tr

Bài tập 10:
Có số liệu đầu kỳ của Công ty TNHH Nội Bài như sau: (đvị tính: tr đồng) - Ngày 31/12/N
1. Phải trả người bán: 20
2. Phải thu khách hàng: 40
3. Tiền gửi ngân hàng: 130
4. Vốn chủ sở hữu: 1500
5. Lợi nhuận chưa phân phối: 100
6. Tài sản cố định: 1200
7. Hàng hoá: 300
8. Hao mòn TSCĐ: (50)

Trong kỳ phát sinh các nghiệp vụ sau:

NV1: Mua một lô hàng của công ty K với giá mua là 40tr, chưa trả tiền.Hàng hoá đã nhập kho đủ. Chi phí vận chuyển đã trả bằng TGNH là 2tr.
NV2: Khách hàng trả nợ vào TK tiền gửi ngân hàng số tiền 30tr. Đã nhận được giấy Báo Có của ngân hàng.
NV3: Thanh toán tiền hàng nghiệp vụ 1 cho công ty K bằng tiền gửi ngân hàng.
NV4: Chuyển một phần lợi nhuận vào vốn chủ sở hữu trị giá 50tr
NV5: Xuất kho 1 lô hàng trị giá 50tr đem gửi bán ở nhà phân phối M

Yêu cầu: Định khoản, Ghi chép vào TK chữ T, Lập bảng cân đối số phát sinh, Lập bảng cân đối kế toán cuối kỳ.

Bài tập 11: Có các số liệu sau: ngày 31/03/2008 về Công ty TNHH Hoàng Linh:

Tiền mặt tại quỹ: 100tr	Phải thu khách hàng: 20tr
Vay ngắn hạn: 38tr	Lợi nhuận chưa phân phối: 42tr
Hàng hoá: 450tr	Tiền gửi ngân hàng: 350tr
TSCĐ hữu hình: 500tr	Nguồn vốn kinh doanh:1370tr
Hao mòn TSCĐ : (20)tr	Đầu tư vào công ty LD liên kết: 50tr

Trong quí 2 có phát sinh các nghiệp vụ sau:
1). Khách hàng thanh toán khoản nợ: 20tr bằng tiền mặt
2). Mua một tài sản cố định trị giá 20tr, + Thuế GTGT đầu vào 2 tr, tiền hàng chưa thanh toán. TSCĐ đã sẵn sàng sử dụng
3). Nhận góp vốn liên doanh bằng TSCĐ trị giá 60tr.TSCĐ đã sẵn sàng sử dụng.
4). Thanh toán khoản vay ngắn hạn (38tr) và người bán hàng ở nghiệp vụ 2 (22tr) bằng tiền gửi ngân hàng.
5). Mua một lô hàng trị giá 110tr (đã bao gồm thuế GTGT đầu vào 10%.) hàng hoá chưa nhập kho.Thanh toán ½ bằng tiền mặt, ½ bằng tiền gửi ngân hàng.
6). Lô hàng mua ở nghiệp vụ 5 về nhập kho đầy đủ.
7). Xuất kho hàng hoá trị giá 200tr đem gửi bán.
8). Vay dài hạn ngân hàng một khoản tiền 200tr.(vào TK ngân hàng)
9). Chuyển tiền 200tr (từ tài khoản ngân hàng) vào góp vốn liên doanh (Cty liên doanh)

10). Người mua hàng ứng trước tiền mua hàng là 150tr (vào tài khoản ngân hàng).
Yêu cầu:
+ Định khoản các nghiệp vụ kế toán
+ Lập Bảng cân đối.

Bài tập 12: Giải thích các định khoản sau:

1) Nợ TK 151: 120 tr
   Nợ TK133: 12 tr
   Có TK 112: 132tr
2) Nợ TK156: 120tr
   Có TK151: 120tr
3) Nợ TK211: 150tr
   Nợ TK133: 15tr
   Có TK331: 165 tr
4) Nợ TK331: 165tr
   Có TK 112: 65tr
   Có TK 311: 100tr
5) Nợ TK141: 20tr
   Có TK111: 20tr
6) Nợ TK112: 100tr
   Có TK411: 100tr
7) Nợ TK112: 80tr
   Có TK131: 80tr (**)
8) Nợ TK311: 100tr
   Có TK112: 100tr
9) Nợ TK111: 35tr
   Có TK334: 35tr
10) Nợ TK421: 20tr
   Có TK431: 20tr